



THU RỘNG

SHALL

D FILTERED



<http://biasaigonmt.com>



smb@biasaigonmt.com



0262 3877 519



01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An,
Tp Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021**

**BIA
SAIGON®**
SAIGON - MIENTRUNG

BIA SAIGON®

SAIGON - MIEN TRUNG

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
4. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
6. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
7. QUẢN TRỊ CÔNG TY



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC YẾU TỐ RỦI RO





Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG	Địa chỉ	Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tên tiếng anh	SAI GON - MIEN TRUNG BEER JSC	Số điện thoại	0262 3877 455
Giấy CNĐKDN số	4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017.	Số Fax	0262 3877 519
Vốn chủ sở hữu	554.093.848.487 VNĐ (Tính đến ngày 31/12/2021)	Website	www.biasaigonmt.com
Vốn điều lệ	298.466.480.000 VNĐ (Tính đến ngày 31/12/2021)	Email	smb@biasaigonmt.com
		Mã cổ phiếu	SMB
		Sàn giao dịch	HOSE

20/09/2008

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Công ty theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông của ba công ty: CTCP Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, CTCP Bia Sài Gòn - Phú Yên và CTCP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất.

01/10/2008

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chính thức đi vào hoạt động

06/09/2009

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Đắk Lắk từ 25 lên 70 triệu lít/ năm. ty cổ phần, với vốn điều lệ 55 tỷ VNĐ.

20/09/2017

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung thành lập công ty con đầu tiên của mình là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn hoạt động với ngành nghề chính là buôn bán đồ uống.

22/04/2010

Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung trên sàn UPCoM với mã cổ phiếu SMB.

09/07/2010

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 162/2010/GCNCP-VSD, án tăng vốn điều lệ thành 75,6 tỷ VNĐ.

27/06/2018

Công ty được chấp thuận niêm yết 29.846.648 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch phiếu đầu tiên vào ngày 03/08/2018.

06/08/2019

Sabeco hợp báo ra mắt thương hiệu Bia Sài Gòn, đánh dấu bước ngoặt thay đổi nhận diện thương hiệu đối với bao bì mới trên các sản phẩm của toàn hệ thống nói chung và Bia Sài Gòn - Miền Trung nói riêng.

2020 - Đến nay

Dù gặp nhiều khó khăn từ những tác động lâu dài của NĐ – 100/2019/NĐ-CP và cả những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 nhưng SMB vẫn giữ vững được vị thế trên thị trường.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia	1103 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	2825
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát	4633
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	4659
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng	6810
7	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư	4100
8	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm	8560
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
11	Điều hành tour du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch	7912
12	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu	1101
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời và điện khác.	3511
15	Truyền tải và phân phối điện	3512
16	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	2023

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh Bia Sài Gòn của Công ty chủ yếu diễn ra tại Tỉnh Đắk Lắk, Quy Nhơn & Phú Yên. Ngoài ra, các sản phẩm tự doanh như Bia Quy Nhơn, Bia tươi... được tiêu thụ tại các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Phước, Đồng Nai.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trụ sở chính Công ty: Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Chi nhánh Công ty:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên (Địa chỉ: Số 265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên)

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn (Địa chỉ: Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn, Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Công ty liên kết:

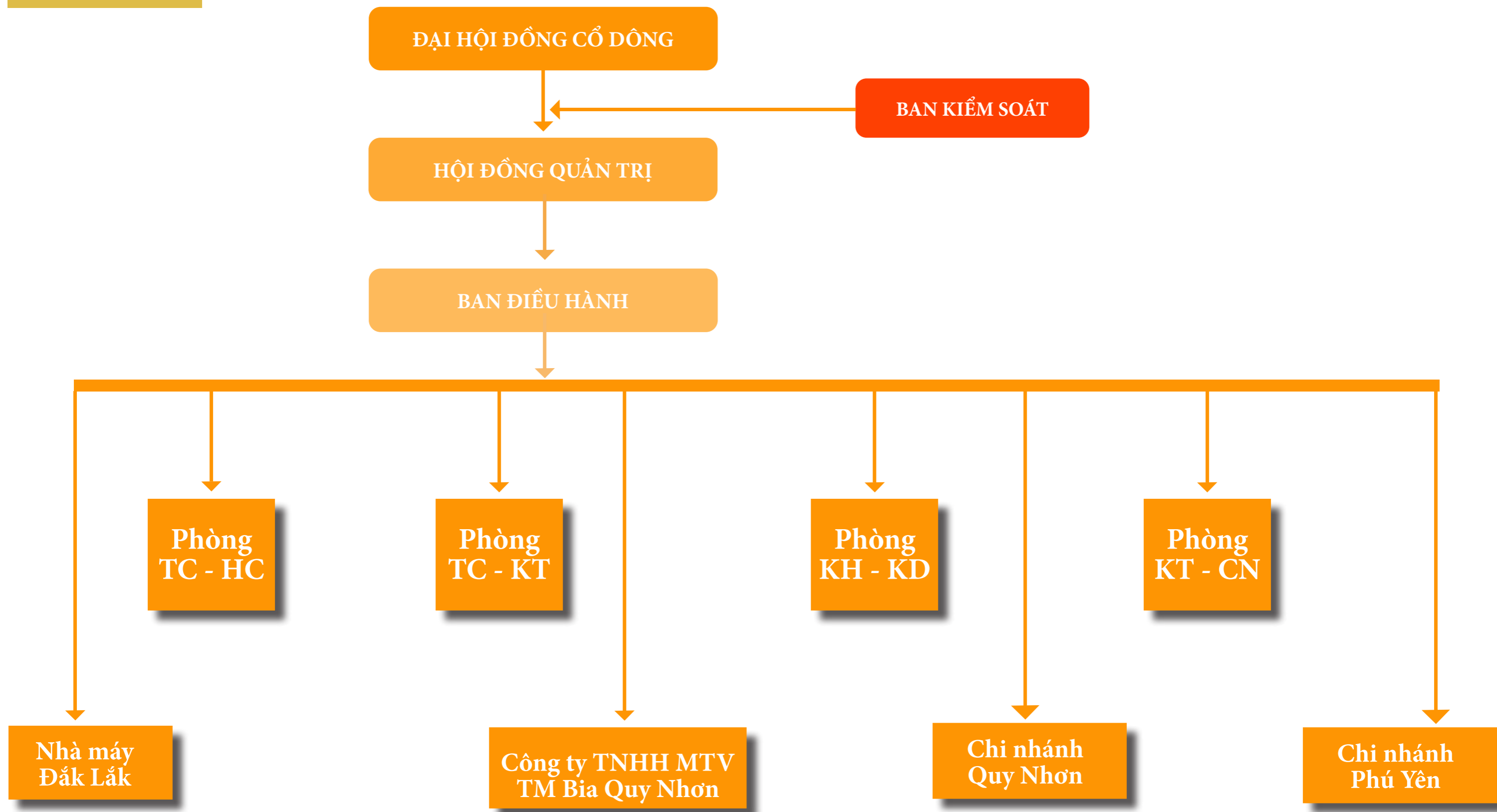
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (Địa chỉ: Số 396 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ.

BIASAIGON®
SAIGON - MIEN TRUNG



MỤC TIÊU CÔNG TY

Công ty hoạt động với mục tiêu phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới, không ngừng hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.

Công ty luôn sẵn sàng hợp tác với các đơn vị, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi vì sự phát triển của các bên.

Hoạt động sản xuất của Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông, duy trì và giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố hông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.

Sự phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Công ty góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty luôn bám sát định hướng chiến lược phát triển do SABECO đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp. Trong thời gian tới, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nước giải khát. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng. Năm 2020 vừa qua, SMB đã hoàn thành lắp hệ thống điện mặt trời đưa vào sử dụng hiệu quả tại 3 nhà máy nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí sản xuất góp phần gia tăng lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. SMB luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội.

Đối với môi trường

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường, cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, đặc biệt chất thải nguy hại Công ty luôn chú ý thu gom và xử lý có hệ thống, đúng quy trình kỹ thuật. SMB không bị xử phạt vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Đối với xã hội và cộng đồng

Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương, ...

Đối với vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm

Công ty thực hiện tốt các quy định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, 01 Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và 01 Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021 Việt Nam đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, mặc dù trong những tháng đầu năm nước ta đã có những khởi đầu thuận lợi, tuy nhiên, sự dè dặt trong chính sách đã góp phần khiến đợt bùng phát dịch Covid vào tháng 4 trở nên khó kiểm soát làm ảnh hưởng đến quá trình phục hồi và gây ra những thiệt hại lớn cho nền kinh tế. GDP 2021 ước tính tăng 2.58% (Quý I tăng 4,72%; Quý II tăng 6,73%; Quý III giảm 6,02%; Quý IV tăng 5,22%) so với năm trước; Tuy nhiên nền kinh tế trong những tháng cuối năm đã có những bước phục hồi đáng kể sau dịch Covid. Mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp là sản phẩm về bia, và trong số các ngành hàng tiêu dùng thì ngành bia bị ảnh hưởng tiêu cực hơn cả trong quý III/2021. Do các biện pháp thắt chặt giãn cách xã hội tại các tỉnh, thành phố buộc các kênh phân phối bia, nước giải khát đều phải đóng cửa dẫn đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều bị sụt giảm một cách đáng kể. Tuy nhiên trong những tháng cuối năm Công ty đã có những bước phục hồi nhất định khi doanh thu tăng 10.4% so với cùng kỳ năm trước.

Dù hiện nay Chính phủ đã nới lỏng một số biện pháp giãn cách tuy nhiên tình hình Covid vẫn diễn biến khó lường với biến thể mới nên Ban lãnh đạo công ty luôn cập nhật thông tin về dịch bệnh, kinh tế trong và ngoài nước đã đưa ra những biện pháp để kịp thời ứng phó với những khó khăn trong tương lai.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường đối với Công ty chủ yếu là từ quá trình xử lý nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. Chất thải từ sản xuất bia có chứa nhiều chất hữu cơ và nhiều dưỡng chất cho vi khuẩn phát triển nên Công ty luôn chú trọng đầu tư hệ thống sản xuất và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật để tránh những tác động xấu đến nhân viên, người dân và môi trường tại địa phương.

RỦI RO ĐẶC THÙ HOẠT ĐỘNG

Hoạt động kinh doanh, sản xuất chính của Công ty là sản xuất bia với những nguyên liệu chủ yếu như Malt bia, gạo, hoa Houblon. Do đặc điểm khí hậu không phù hợp nên hiện tại Việt Nam vẫn chưa trồng được Malt bia, vậy nên đa phần các nguyên liệu đều được nhập từ nước ngoài. Do vậy những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu hay yếu tố mùa vụ sẽ có những ảnh hưởng đáng kể đến giá vốn, khả năng sản xuất của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB phụ thuộc vào kế hoạch và chiến lược của tổng Công ty Sabeco, vì thế khi có những thay đổi trong chiến lược hay chính sách phân phối nguyên liệu sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến những đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, và trong đó có SMB. Hơn thế nữa, thời hạn sử dụng bia ngắn chỉ từ 6 – 12 tháng, nên nếu tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp buộc Chính phủ phải đưa ra các biện pháp thắt chặt giãn cách sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng bia do tồn kho sản phẩm thời gian dài. Để ứng phó với những rủi ro này thì Công ty luôn cập nhật thông tin về thị trường, tỷ giá và tình hình dịch bệnh để đưa ra những chiến lược phù hợp.



RỦI RO CẠNH TRANH

Việt Nam là một trong những nước có lượng tiêu thụ rượu bia hàng đầu. Do vậy, SMB đang chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các thương hiệu chiếm thị phần lớn như Heineken, Habeco, Ngoài ra, thị trường ngành bia, rượu Việt Nam cũng đã có sự tham gia của các thương hiệu lớn trên thế giới như Budweiser, Corona, ... Những doanh nghiệp này đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường quốc tế. Hiện nay, nền kinh tế càng phát triển, thu nhập của người tiêu dùng ngày càng được cải thiện kéo theo đó nhu cầu sử dụng các sản phẩm mới, có chất lượng ngày càng cao. Do vậy ban lãnh đạo của công ty đã không ngừng cập nhật công nghệ trong kỹ thuật sản xuất và nghiên cứu, phát triển để đưa ra các sản phẩm mới, chất lượng nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, tiến hành mở rộng thị trường, các kênh phân phối bằng cách áp dụng các chính sách ưu đãi cho các đại lý, siêu thị, ...

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, ... có tỷ lệ xảy ra rất thấp nhưng vẫn luôn hiện hữu và gây ra những thiệt hại lớn. Giống như trong hai năm 2020 và 2021, rủi ro bất ngờ từ dịch Covid buộc Chính phủ phải đưa ra các biện pháp nhằm thắt chặt giãn cách xã hội khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành bia rượu nói chung và SMB nói riêng gần như bị “đóng băng”. Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, ban quản trị công ty cũng thường xuyên thực hiện các công tác theo dõi, kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, ... nhằm phòng ngừa những rủi ro không đáng có trong tương lai.

RỦI RO PHÁP LUẬT

CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, được niêm yết tại Sở GD&ĐT Tp Hồ Chí Minh nên Công ty chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như: Luật Doanh Nghiệp (sửa đổi), Luật Chứng Khoán (sửa đổi), các Nghị định, Thông tư liên quan đến việc công bố thông tin, ... Ngoài ra, SMB cũng chịu sự chi phối của một số luật chuyên ngành có liên quan.

Nghị định 24/2020/NĐ – CP đã đưa ra những quy định khắt khe hơn trước về quảng cáo rượu bia và cũng đã gây ra những tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh rượu bia, khiến việc quảng bá sản phẩm của Công ty bị hạn chế. Do vậy, Công ty luôn chú trọng rà soát hoạt động, cập nhật thông tin để đưa ra những biện pháp, thay đổi kịp thời. CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung cam kết tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực hoạt động của mình.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN
ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH/KH	TH 2021/2020
Vốn điều lệ	298,466	298,466	298,466	100%	100%
Tổng doanh thu	1.159,399	1.315,030	1.191,308	90,59%	98,68%
LNTT	199.235	152.820	199,373	130,46%	100,07%
LNTT/ Tổng doanh thu	16.5%	11.62%	16,73%	-	-
LNTT/ Vốn điều lệ	66.75%	51.2%	66,8%	-	-

Nhìn chung, năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều điểm tích cực, dù cho chỉ tiêu doanh thu vẫn chưa đạt được kế hoạch đã đề ra do đợt bùng phát dịch vào quý III/2021 đã làm doanh thu giảm sút rõ rệt. Cụ thể, doanh thu quý III/2021 của SMB đạt hơn 220 tỷ, giảm 50,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn doanh thu quý IV/2021 đạt hơn 375 tỷ đồng, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2020. Nhờ sự phục hồi mạnh mẽ trong quý IV, đã giúp vực dậy doanh thu cả năm của Công ty. Bên cạnh đó, ngoài chỉ tiêu về doanh thu vẫn chưa đạt được với kế hoạch do tình hình dịch bệnh, thì các chỉ tiêu khác đều vượt kế hoạch đề ra khi lợi nhuận trước thuế đạt 199,373 tỷ đồng, vượt 28,35% so với kế hoạch đề ra do Công ty đã tiết giảm chi phí và nhu cầu tiêu thụ rượu bia trong những tháng cuối năm tăng cao.

**BI
SAIGON®**
SAIGON - MIEN TRUNG



Năm 2021 là một năm đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam, đợt bùng phát dịch lần 4 đã làm đứt gãy quá trình hồi phục nền kinh tế của nước ta. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tăng trưởng nền kinh tế đạt nhiều khả quan vào quý IV khi GDP tăng 5.22%. Theo đó, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã có nhiều hồi phục và đang dần lấy lại được vị thế sau thời gian dịch bệnh. Nhưng để có thể hoàn thành được những kế hoạch đã đề ra, Ban lãnh đạo đã có những phương án, chiến lược rõ ràng và thường xuyên theo dõi các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN



Trong năm 2021 thực hiện tiết giảm đầu tư, những dự án và chương trình chưa thật sự cần thiết thì chưa đầu tư. Công ty chỉ đầu tư những hạng mục, công trình thật sự cấp thiết ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến môi trường theo quy định của nhà nước và các hạng mục tiết kiệm năng lượng nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng giá thành giảm.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	% tăng giảm
Tổng tài sản	804,06	937,09	14,19%
Doanh thu thuần	1.207,14	1.191,24	(1,33%)
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	311,25	315,12	1,22%
Lợi nhuận khác	6,33	2,8	(126,2%)
Lợi nhuận trước thuế	199,23	199,37	0,07%
Lợi nhuận sau thuế	158,81	158,69	(0,08%)

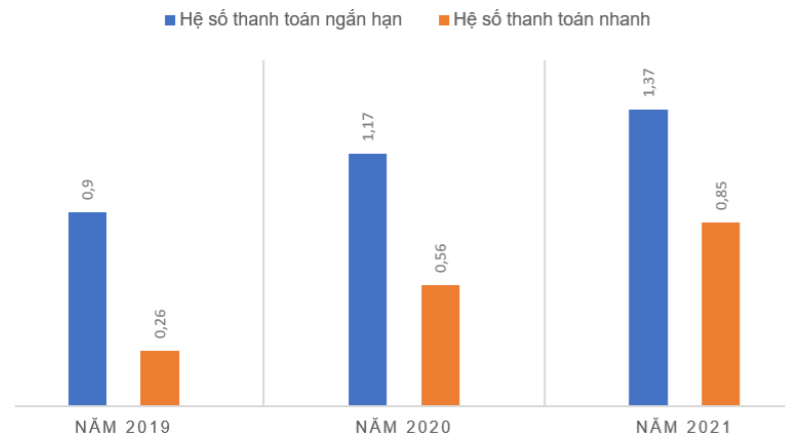
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.90	1.17	1.37
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.26	0.55	0.84
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	40.81	38.41	40.87
Hệ số nợ/Tổng VCSH	%	68.95	62.36	69.12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6.26	4.87	4.81
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1.84	1.51	1.27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/DTT	%	13.76	13.16	13.32
Hệ số LNST/VCSH (ROE)	%	43.86	32.84	30.25
Hệ số LNST/Tổng TS (ROA)	%	25.96	19.83	18.23
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	17.34	18.10	16.50



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

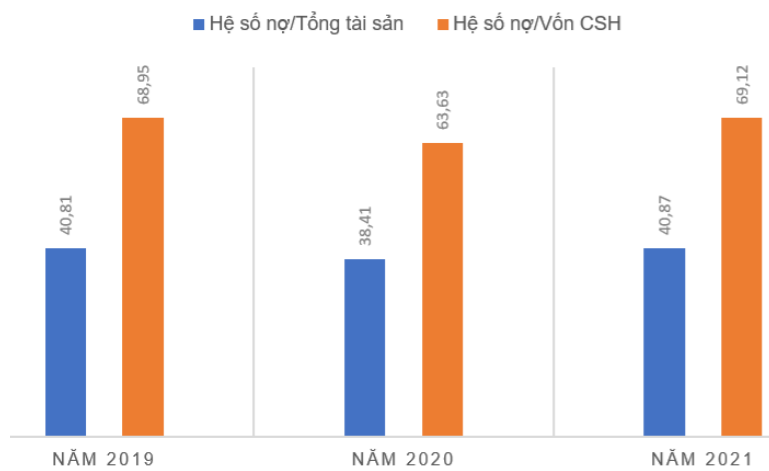


Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 đều có mức tăng khả quan. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng 1,37 lần từ 1,17 lần trong năm 2020. Chỉ số này được cải thiện là nhờ tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm đã tăng 47,86% so với mức tăng chỉ 25,8% của nợ ngắn hạn. Trong đó, một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tăng mạnh của tài sản ngắn hạn là do trong năm Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trị giá 215 tỷ đồng.

Hệ số thanh toán nhanh trong năm 2021 đạt 0,85 lần, tăng 0,29 lần so với năm 2020. Ngoài sự thay đổi về nợ và tài sản ngắn hạn, sự biến đổi của hàng tồn kho cũng có tác động đến hệ số thanh toán nhanh. Cụ thể, hàng tồn kho trong năm tăng 8,14% (chủ yếu là tồn kho nguyên, vật liệu và công cụ) so với cùng kỳ năm ngoái. Nhìn chung hệ số thanh toán nhanh của Công ty vẫn lớn hơn 1 cho thấy khả năng tài chính của Công ty vẫn rất ổn định.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

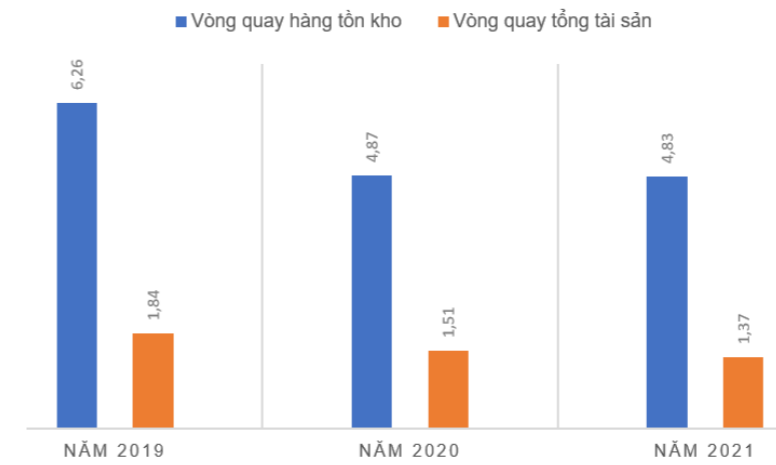


Hệ số nợ/Tổng tài sản và hệ số nợ/Tổng vốn chủ sở hữu trong năm 2021 lần lượt đạt mức 40,87% và 69,12%. Nguyên nhân cho mức tăng này chủ yếu là do khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty tăng 20,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, trong năm Công ty đã có một khoản vay tài chính để phục vụ cho hoạt động sản xuất. Ngoài ra, mức thuế tiêu thụ đặc biệt cũng có đóng góp không nhỏ với mức tăng 39,23% so với cùng kỳ năm ngoái.

Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2021 ghi nhận mức tăng 11,88% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 554,09 tỷ đồng. Trong đó, khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty có mức tăng trưởng tốt, đạt 170,492 tỷ đồng, tăng 39,81% so với cùng kỳ. Kết quả này đạt được là do Công ty đã kiểm soát tốt các yếu tố về chi phí như chi phí quản lý, chi phí bán hàng. Dù tình hình dịch bệnh gây ra rất nhiều khó khăn tuy nhiên Công ty vẫn duy trì được sự an toàn về tài chính. Chuyển biến về cơ cấu vốn này đã được phân tích phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển và mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho các cổ đông.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

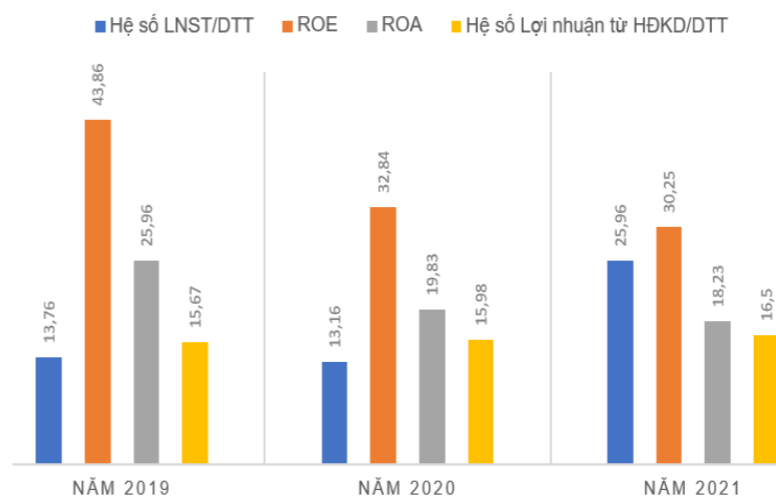


Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều có sự thay đổi nhẹ. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho giảm còn 4,83 vòng từ 4,87 vòng trong năm 2020. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng giảm xuống còn 1,37 từ 1,51 vòng trong năm 2020. Nguyên nhân của sự thay đổi này là do giá vốn hàng bán giảm hơn 19 tỷ đồng so với năm 2020, trong khi đó hàng tồn kho lại có mức tăng khoảng 14,2 tỷ đồng khiến vòng quay hàng tồn kho có sự chậm lại, trong đó chủ yếu là tồn kho nguyên vật liệu, nhưng thay đổi này không quá đáng kể so với năm ngoái.

Tổng tài sản của Công ty trong năm tăng 16,49% so với cùng kỳ, trong khi đó, doanh thu thuần lại có sự giảm nhẹ khoảng 1,34% so với năm trước, điều này cho thấy hiệu quả mang lại doanh thu từ việc sử dụng tài sản có sự suy giảm.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2021, doanh thu của Công ty ghi nhận mức giảm nhẹ khoảng 1,31% so với năm 2020. Đồng thời lợi nhuận sau thuế lại gần như không có thay đổi gì so với năm ngoái. Trong khi đó tài sản và vốn chủ sở hữu của SMB trong năm đều ghi nhận mức tăng lần lượt 16,49% và 11,88% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này khiến cho các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của SMB đều ghi nhận sự suy giảm. Cụ thể, chỉ số ROE và ROA lần lượt giảm còn 30,25% và 18,23% từ 32,84% và 19,83% trong năm 2020. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này đều cao hơn mức trung bình ngành, cho thấy khả năng tạo ra lợi nhuận từ tài sản và vốn của Công ty vẫn ở mức tốt.

Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do dịch bệnh, tuy nhiên Công ty vẫn hoàn thành tốt chỉ tiêu đề ra khi lợi nhuận trước thuế tăng 30,46% so với kế hoạch đề ra. Hoạt động kinh doanh của Công ty luôn đi đôi với việc mang lại lợi ích kinh tế cho các cổ đông, điều này luôn đi đúng với định hướng phát triển của SMB trong suốt thời gian qua.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 29.846.648.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 29.846.648 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 29.856.648 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.658.846 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 21/02/2022)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước	1	719.848	2,4
2	Cổ đông trong nước	2.001	25.453.958	85,3
	Tổ chức	31	16.533.203	55,4
	Cá nhân	1.970	8.920.755	29,9
3	Cổ đông nước ngoài	81	3.672.842	12,3
	Tổ chức	16	2.392.359	8,0
	Cá nhân	65	1.280.483	4,3
	Tổng cộng	2.083	29.846.648	100



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2021, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

BAN KIỂM SOÁT

NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Lâm Du An	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Huỳnh Văn Dũng	TV. HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Phước	TV. HĐQT không điều hành
4	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	TV. HĐQT không điều hành
5	Ông Phạm Văn Phong	TV. HĐQT độc lập
BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Võ Thành Điền	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng
BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban
2	Ông Trịnh Văn Thảo	Thành viên
3	Ông Bùi Quang Đáng	Thành viên

BIA
SAIGON®
SAIGON - MIEN TRUNG

Ông Lâm Du An - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lâm Du An
Ngày tháng năm sinh	05/01/1967
Nơi sinh	Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 9.617.363 cổ phần - tỷ lệ 32,22% VDL
Quá trình công tác	Từ 10/1989 đến 06/1990 Kỹ sư Nhà máy Thuốc lá Bến Thành Từ 06/1990 đến 10/1991 Kỹ sư Nhà máy Nước đá Hàm Tử Từ 10/1991 đến 10/2004 Kỹ sư, Tổ trưởng bảo trì Công ty Bia Sài Gòn Từ 10/2004 đến 04/2006 Phó Quản đốc Xưởng Bảo trì - TCT Bia-Rượu-NGK Sài Gòn Từ 04/2006 đến 05/2007 Trưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Bạc Liêu Từ 05/2007 đến 10/2012 Trưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Vĩnh Long Từ 10/2012 đến 06/2016 Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn Vĩnh Long Từ 06/2016 đến 10/2017 Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh thuộc TCT CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn Từ 12/2013 đến nay Phó Tổng Giám đốc SABECO kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Huỳnh Văn Dũng

Họ và tên	Huỳnh Văn Dũng
Ngày tháng năm sinh	30/01/1962
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Tiếng Anh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Ủy viên HĐQT CTCP In - Thương mại Phú Yên
Số cổ phần cá nhân sở hữu	442.595 cổ phiếu - 1,48% VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu	Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn: 9.617.363 cổ phần - tỷ lệ 32,22% VDL
Quá trình công tác	
Từ 04/1989 đến 08/1992	Trưởng phòng Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đắk Lắk
Từ 08/1992 đến 12/1995	Phó trưởng Xưởng Chế biến - Kho vận Inexim Đắk Lắk
Từ 12/1995 đến 02/2005	Phó Giám đốc Inexim Đắk Lắk
Từ 02/2005 đến 09/2008	Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk
Từ 10/2008 đến 11/2013	Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk
Từ 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Từ 12/2013 đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương lao động hạng 3
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Bà Nguyễn Thị Phước

Họ và tên	Nguyễn Thị Phước
Ngày tháng năm sinh	25/04/1959
Nơi sinh	Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Đại diện sở hữu của CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt: 3.745.550 CP, tỷ lệ 12,54% VDL Đại diện sở hữu của Công ty Việt Gia Phú: 918.227 CP, tỷ lệ 3,07%% VDL
Quá trình công tác	
Từ năm 1996 đến 2006	Chủ tịch HĐTV CT TNHH Đầu tư-Thương mại-Du lịch Hiệp Phúc
Từ năm 2007 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
Từ 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	
Họ và tên	Nguyễn Thị Thùy Linh
Ngày tháng năm sinh	07/06/1968
Nơi sinh	Tp.Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính ngân hàng
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Ban KH-TH Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Đại diện sở hữu của Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn: 9.617.363 CP, chiếm 32,22% VDL
Quá trình công tác	
Từ 10/1998 đến 05/2003	Kế toán tài sản cố định Cty Bia Sài Gòn
Từ 06/2003 đến 2006	Kế toán tiêu thụ, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Từ 2006 đến 2008	Phó phòng kế toán Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Từ 2008 đến 06/2012	Phó phòng tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Từ 06/2012 đến 02/2016	Phó Ban tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Từ 04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Từ 03/2016 đến nay	Phó Ban Kế hoạch tổng hợp Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Phạm Văn Phong	
Họ và tên	Phạm Văn Phong
Ngày tháng năm sinh	07/10/1962
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Quá trình công tác	
Từ năm 1993 đến 1996	Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp Khu vực Krong Buk Đắk Lắk
Từ năm 10/1996 đến 10/2002	Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
Từ 2002 đến 2017	Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
Từ 06/2017 đến nay	Phó Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực Sacombank
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Võ Thành Điền

Họ và tên	Võ Thành Điền
Ngày tháng năm sinh	12/04/1966
Nơi sinh	Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	35.843 CP, tỷ lệ 0,12%VĐL
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Quá trình công tác	
Từ 06/1993 đến 07/1994	Phó Phòng Đầu tư và Công nợ, Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
Từ 07/1994 đến 06/2002	Giám đốc Chi nhánh Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk tại Huyện Krông Năng, KrôngBuk, Chư Sê
Từ 06/2002 đến 05/2007	Phó phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
Từ 07/2007 đến 12/2007	Phụ trách Phòng Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
Từ 01/2008 đến 09/2009	Trưởng Phòng KH-KD CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
Từ 10/2009 đến 12/2013	Trưởng Phòng KH-KD Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn Miền Trung tại Đắk Lắk
Từ 01/2014 đến 12/2017	Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Từ 12/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Khen thưởng	Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Vũ Tuấn Anh

Họ và tên	Vũ Tuấn Anh
Ngày tháng năm sinh	13/08/1971
Nơi sinh	Buôn Ma Thuột
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ bia Quy Nhơn Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty In Thương mại Phú Yên
Số cổ phần cá nhân sở hữu	38.367 CP, tỷ lệ 0,12% VĐL
Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
Quá trình công tác	
Từ 10/1994 đến 02/2005	Kế toán, Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
Từ 02/2005 đến 03/2007	Phụ trách Kế toán CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
Từ 04/2007 đến 10/2008	Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
Từ 10/2008 đến 31/12/2013	Kế toán trưởng CN CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
Từ 01/01/2014 đến 12/2017	GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Từ 12/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Khen thưởng	Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Trịnh Văn Thảo

Họ và tên	Trịnh Văn Thảo
Ngày tháng năm sinh	02/02/1973
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Quá trình công tác	
Từ năm 1996 đến năm 2001	Trợ lý Kế toán-Phòng TC-KT Tổng Công ty Xây Dựng Trường Sơn Bộ Quốc Phòng.
Từ năm 2001 đến năm 2006	Kế toán tổng hợp-Phòng TC-KT Công ty Du Lịch-Dịch vụ và Thương mại TOSECO- Bộ Quốc Phòng
Từ năm 2006 đến năm 2008	Kế toán trưởng- Công ty Du Lịch Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
Từ năm 2008 đến năm 2010	Kế toán trưởng- Trung tâm Thương Mại- Dịch Vụ Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
Từ 05/2011 đến 10/2017	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ-Phòng KTNB Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO)
Từ 05/2013 đến nay	Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Nguyễn Văn Dũng

Họ và tên	Nguyễn Văn Dũng
Ngày tháng năm sinh	08/02/1971
Nơi sinh	Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Trưởng BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Quá trình công tác	
Từ năm 1996 đến 2003	Kế toán trưởng Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc
Từ năm 2004 đến 2009	Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc tại Quảng Nam (Trạm thu phí Tam Kỳ)
Từ năm 2010 đến 04/2016	Phó Tổng giám đốc CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt (Vietcomreal)
Từ tháng 05/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty

Ông Bùi Quang Đáng

Họ và tên	Bùi Quang Đáng
Ngày tháng năm sinh	05/10/1965
Nơi sinh	Phú Yên
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên
Số cổ phần cá nhân sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên: 1.602.940 CP, tỷ lệ 5,37% VDL
Quá trình công tác	
Từ năm 1986 đến 1991	Công tác tại Công ty Thương nghiệp Sông Cầu, Phú Yên
Từ 08/1993 đến 2012	Kế toán trưởng Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên
Từ 2012 đến 10/2016	Phó giám đốc xổ số kiến thiết Phú Yên
Từ 11/2016 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV xổ số kiến thiết Phú Yên
Từ 04/2017 đến nay	Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	Không
Các khoản nợ Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Theo quy định của Công ty



Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

STT	Tính chất phân loại	31/12/2021	Tỷ lệ %
I	Theo trình độ	494	100,00%
1	Trên đại học	8	1,62%
2	Đại học, Cao đẳng	281	56,88%
3	Trung cấp	111	22,47%
4	Công nhân kỹ thuật	54	10,93%
5	Lao động phổ thông	40	8,10%
II	Theo tính chất HĐLĐ	494	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	417	84,41%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	77	15,59%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên khi tham gia làm thêm giờ, tăng ca theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, lễ tết

Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, Thai sản

Nhân viên sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật, được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Điều kiện làm việc

Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện bảo hộ đối với những lao động trực tiếp. Văn phòng làm việc, nhà xưởng kang trang, thoáng mát, được thiết kế, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn để bảo vệ an toàn cho người lao động.

Điều kiện làm việc

Công ty thường xuyên có chính sách thu hút những người lao động giỏi, tuyển dụng dựa trên thái độ, năng lực làm việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn cho CBNV.

Đào tạo

Xác định ‘Con người’ là nòng cốt cho sự phát triển của Công ty, do đó, các chương trình nhằm bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng được ban lãnh đạo tổ chức định kỳ. Hằng năm, tùy thuộc vào yêu cầu công việc và từng đối tượng nhân viên mà công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề nhằm đảm bảo CBNV có thể thực hiện tốt các công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề sẽ được Công ty chi trả.

Trong trường hợp người lao động có nhu cầu tham gia học thêm các nghiệp vụ ngoài kế hoạch đào tạo của Công ty, sẽ được Công ty xét duyệt dựa trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập thì toàn bộ chi phí trong quá trình học tập sẽ do người lao động chi trả. Nếu sau quá trình học tập đạt được kết quả và đáp ứng được nhu cầu công việc thì Công ty sẽ xem xét hỗ trợ một phần phí cho người lao động hoặc bố trí đến một bộ phận khác phù hợp với nghiệp vụ đào tạo.

Công tác đào tạo và bảo an lao động

Công ty thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc khác nhau. Hệ thống trang thiết bị, nhà xưởng đều được kiểm tra định kỳ theo quy định.

Công tác chăm sóc sức khỏe

Công ty thường xuyên tổ chức những buổi khám sức khỏe định kỳ cho CBNV nhằm phát hiện và điều trị những rủi ro về sức khỏe từ đó đưa ra những chính sách hỗ trợ phù hợp.

Chính sách lương thưởng phúc lợi

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng cho cá nhân, bộ phận nhằm khuyến khích CBNV hăng say làm việc, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Quy chế chi trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.



BIA
SAIGON[®]
SAIGON - MIEN TRUNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG
TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm qua, nước ta đã trải qua nhiều bước thăng trầm do chịu nhiều tác động của dịch Covid – 19. Dù những tháng đầu năm, ta đã có những khởi đầu thuận lợi, nhưng đợt bùng phát dịch lần thứ 4 đã buộc Chính phủ đưa ra các biện pháp giãn cách xã hội tại các địa phương kinh tế trọng điểm. Theo đó, dịch bệnh cũng khiến tỷ lệ thất nghiệp tăng cao làm ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân. Điều này khiến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm không thiết yếu như bia, rượu giảm mạnh. Các yếu tố trên đều đã và đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dù năm 2021 là một năm khó khăn với nền kinh tế nói chung và SMB nói riêng. Tuy nhiên với những chỉ đạo và chiến lược đúng đắn từ Ban lãnh đạo đã giúp cho Công ty đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		% TH so với KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	Cuối kỳ 2020
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	184,88	199,94	176,53	88,30	95,49
1	Bia các loại			190,00	167,34	88,07	
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	88,71	110,00	82,45	74,95	92,94
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	29,73	40,18	24,16	60,14	81,28
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	10,33	7,18	9,91	138,02	95,98
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,77	2,16	0,31	14,11	39,67
	Bia lon SG Larger 330	Tr.lít	46,74	50,23	46,98	93,54	100,51
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít	0,32	5,91	0,44	7,44	137,55
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít	0,81	4,33	0,64	14,79	79,04
1.2	Bia khác	Tr.lít	86,49	80,00	84,90	106,12	98,16
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	9,61	9,94	9,19	92,53	95,66
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.207,15	1.315,03	1.166,02	88,67	96,59
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	199,23	152,82	189,81	124,20	95,27
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	1.093,94	1.241,88	1.063,40	85,63	97,21

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		% TH so với KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	Cuối kỳ 2020
Nhà máy Đắc Lắc							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	86,68	98,44	85,88	87,24	99,07
1	Bia các loại			94,00	82,06	87,30	
1,1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	61,20	74,00	58,80	79,46	96,08
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	7.015,00	11,03	6,12	55,50	0,09
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	6,17	2,50	4,62	184,71	74,84
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,02	-	-	-	-
	Bia lon SG Larger 330	Tr.lít	46,74	50,23	46,98	93,54	100,51
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít	0,32	5,91	0,44	7,44	137,55
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít	0,81	4,33	0,64	14,79	79,04
1,2	Bia khác	Tr.lít	21,30	20,00	23,26	116,30	109,20
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	4,11	4,44	3,82	86,05	92,86
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	671,04	809,88	700,88	86,54	104,45
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	59,66	50,37	74,69	148,27	125,19
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	702,05	818,63	696,96	85,14	99,28



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

V	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		% TH so với KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	Cuối kỳ 2020
Chi nhánh Quy Nhơn							
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	57,31	57,00	52,32	91,78	91,28
1	Bia các loại			57,00	52,32	91,78	
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	15,82	20,00	12,59	62,96	79,60
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	12,60	15,94	9,47	59,40	75,15
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	2,47	1,89	2,82	148,71	114,08
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,76	2,16	0,31	14,11	40,19
1.2	Bia khác	Tr.lít	41,48	37,00	39,72	107,36	95,76
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	344,52	326,46	311,14	95,31	90,31
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	87,33	70,40	83,53	118,65	95,65
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	269,76	284,52	248,56	87,36	92,14



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		% TH so với KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	Cuối kỳ 2020
Chi nhánh Phú Yên							
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	40,90	44,50	38,34	86,16	93,74
1	Bia các loại			39,00	32,96	84,52	
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	11,68	16,00	11,05	69,08	94,63
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	9,99	13,21	8,57	64,89	85,82
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	1,70	2,79	2,48	88,89	145,85
1.2	Bia khác	Tr.lít	23,71	23,00	21,91	95,27	92,42
2	Nước uống đóng chai		5,50	5,50	5,38	97,76	97,76
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	174,49	178,70	154,00	86,18	88,26
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	16,89	10,92	11,80	108,10	69,86
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	122,13	138,73	117,88	84,97	96,52

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	Năm 2021		% TH so với KH	
				Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	Cuối kỳ 2020
Công ty TNHH MTV TM Bia Quy Nhơn							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	86,44	79,50	82,77	104,11	95,75
1	Bia khác	Tr.lít	80,94	74,00	77,39	104,59	95,62
2	Nước uống đóng chai		5,50	5,50	5,38	97,76	97,76
II	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	37,48	21,13	31,36	148,39	83,66
III	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	12,61	10,26	11,11	108,30	88,12

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Tiêu thụ sản phẩm các loại năm 2021 đạt 176,53 triệu lít bằng 88,3% KH năm 2020 (199,94 Tr.lít) và bằng 95,49% so cùng kỳ năm 2020 (184.88 Tr.lít). Trong đó:

Bia Sài Gòn:

Tiêu thụ 82,45 Tr.lít bằng 74,95% kế hoạch 2021 (110 Tr.l) và bằng 92,94% so cuối kỳ 2020 (88,71 Tr.lít). Trong đó:

- Nhà máy Đắk Lắk : Tiêu thụ 58,8 Tr.lít bằng 79,46% kế hoạch 2021 và bằng 96,08% so cuối kì 2020.
- Nhà máy Quy Nhơn: Tiêu thụ 12,59 Tr.lít bằng 62,96% kế hoạch 2021 và bằng 79,6% so cuối kì 2020.
- Nhà máy Phú Yên : Tiêu thụ 11,05 Tr.lít bằng 69,08% kế hoạch 2021 và bằng 94,63% so cuối kì 2020.

Nhận xét:

- Năm 2021, do các yếu tố khách quan của tình hình dịch bệnh đã khiến tổng sản lượng và doanh thu tại các nhà máy giảm đáng kể. Theo đó, các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ bia đều không đạt kế hoạch đề ra và so với cùng kỳ thì đều ghi nhận sự giảm nhẹ.
- Các nhà máy của Công ty luôn bám sát chương trình S&OP (Lập kế hoạch bán hàng và hoạt động) của Tổng Công ty để sản xuất và giao hàng, đồng thời phối hợp với các đơn vị thương mại khu vực và vận tải để đẩy mạnh công tác tiêu thụ.



Bia khác:

Tiêu thụ 84,9 Tr.lít bằng 106,12% Kế hoạch 2021 và bằng 98,16% so cuối kỳ 2020. Trong đó:

- Bia Lowen : Tiêu thụ 0,61 Tr.lít bằng 60,87% Kế hoạch 2021 và bằng 62,11% so cuối kỳ 2020.
- Bia Quy Nhơn: Tiêu thụ 57,88 Tr.lít bằng 113,49% Kế hoạch 2021 và bằng 99,93% so cuối kỳ 2020.
- Bia Tươi : Tiêu thụ 26,81 Tr.lít bằng 94,31% Kế hoạch 2020 và bằng 95,71% so cuối kỳ 2020.

Nhận xét:

- Bia Lowen: Sản lượng tiêu thụ vẫn còn thấp, chưa đạt được kế hoạch đề ra và giảm khá nhiều so với năm 2020
- Bia Quy Nhơn: Đây là sản phẩm có mức tiêu thụ tốt do có giá thành thấp, phù hợp với đa số người dân lao động địa phương. Dù tình hình dịch bệnh phức tạp nhưng sản lượng tiêu thụ bia tại các nhà máy đều vượt kế hoạch đề ra. Công ty đã chủ động phối hợp việc sản xuất và phân phối bia Quy Nhơn để đáp ứng được nhu cầu cho thị trường nhất là trong những tháng cuối năm.
- Bia tươi: Nhà máy DakLak tiêu thụ tốt, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra. Ngoài ra thị trường tiêu thụ cũng được mở rộng, thâm nhập ra thị trường ngoại tỉnh.

Nhìn chung, bia khác vẫn là điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB, khi tổng sản lượng tiêu thụ vẫn ổn định và giữ được đà tăng trưởng so với các năm trước. Bên cạnh đó, thị phần vẫn đang được giữ vững, đặc biệt là bia Quy Nhơn và bia tươi tại Daklak.

Nước uống đóng chai

Tiêu thụ được 9,19 triệu lít bằng 92,53% Kế hoạch 2021 và bằng 95,66% so cuối kỳ 2020. Trong đó:

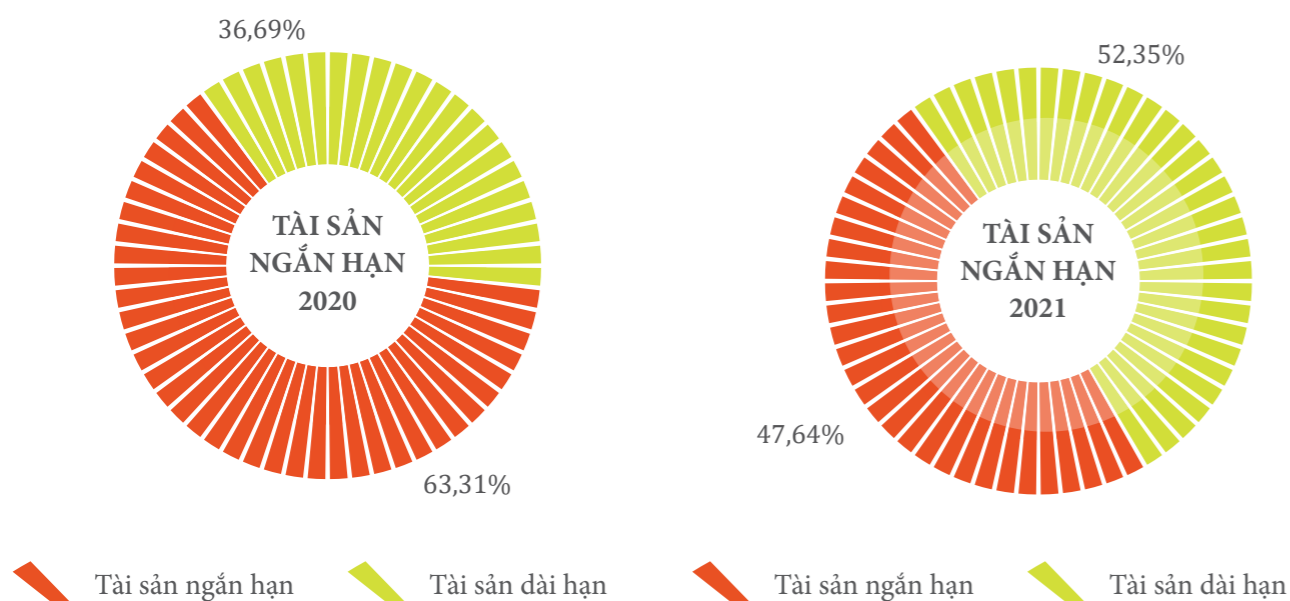
- Nhà máy Đắk Lắk: Tiêu thụ 3,82 Tr.lít bằng 86,05% Kế hoạch 2021 và bằng 92,86% cuối kỳ 2020.
- Chi nhánh Phú Yên: Tiêu thụ 5,38 Tr.lít bằng 97,76% Kế hoạch 2021 và bằng 97,76% cuối kỳ 2020.

Sản lượng nước uống đóng chai Serepok của Nhà máy DakLak còn thấp, do kênh tiêu thụ trường học và hàng quán giảm mạnh bởi dịch COVID-19; nước uống Sapy của Nhà máy Phú Yên tiếp tục được thị trường chấp nhận, sản lượng tuy giảm nhưng vẫn khá ổn định.

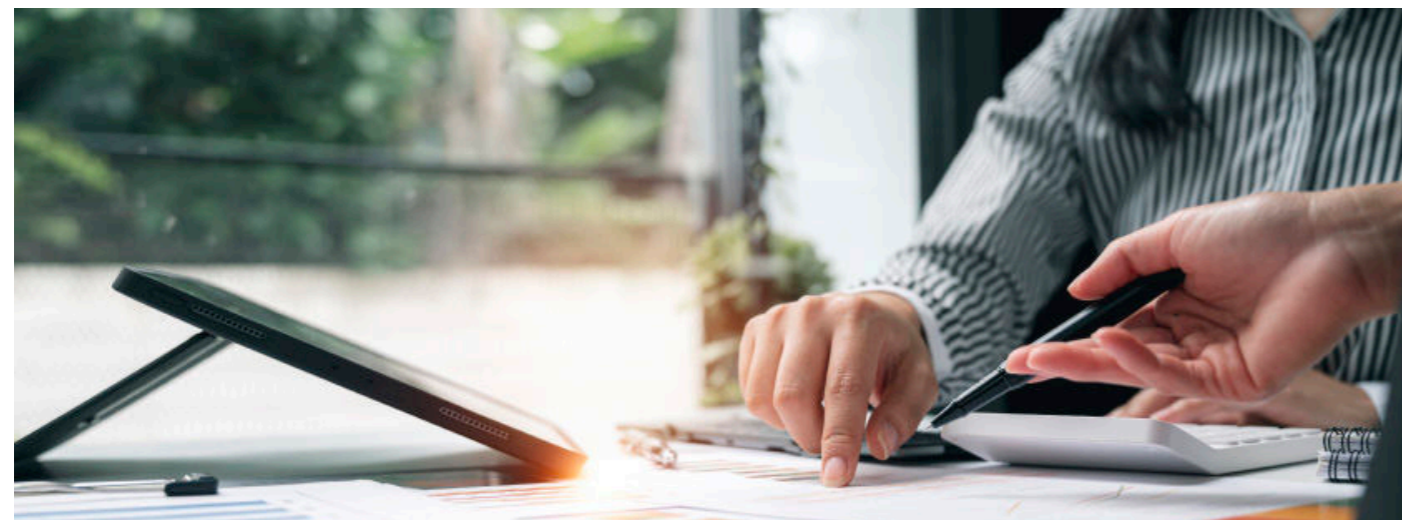
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng /Giảm	Tỷ trọng	
				Năm 2020	Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	331.751	490,517	47,86%	36,69%	52,35%
Tài sản dài hạn	472.318	446,581	(5,45%)	63,31%	47,64%
Tổng tài sản	804.069	937,098	16,54%	100%	100%



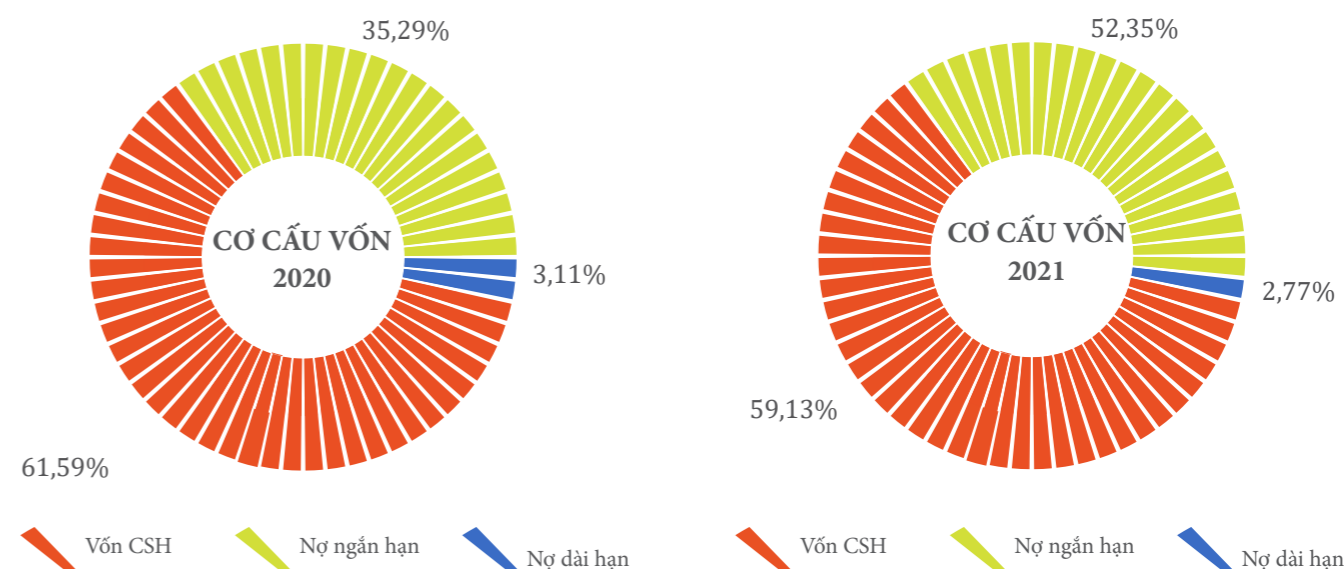
Năm 2021, Tổng tài sản của Công ty tăng hơn 133 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 16,54% so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng có sự thay đổi trong tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Cụ thể, tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản tăng đến 52,35% từ 36,69% trong năm 2020. Giải thích cho sự thay đổi này, do trong năm Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn lên tới 215 tỷ đồng, tăng 81,39% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, Công ty cũng có khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng trị giá 43 tỷ đồng. Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm hơn 25 tỷ đồng so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty đã giảm khoản đầu tư vào Công ty cổ phần in Thương mại Phú Yên.



TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng /Giảm	Tỷ trọng	
				Năm 2020	Năm 2021
Nợ ngắn hạn	283,781	357,002	25,8%	91,88%	93,21%
Nợ dài hạn	25,050	26.001	3,8%	8,12%	6,79%
Tổng nợ	308,831	383,004	24,01%	38,41%	40,87%
Vốn CSH	495,238	554,093	11,88%	61,59%	59,13%
Tổng nguồn vốn	804,069	937,098	16,54%	100%	100%



Nợ phải trả của Công ty tăng 24,02% so với năm 2020, đạt 383,908 tỷ đồng. Về cơ cấu nợ vẫn không có quá nhiều thay đổi so với các năm trước khi tỷ trọng nợ ngắn hạn vẫn chiếm hơn 93% tổng nợ của Công ty. Cụ thể, nợ ngắn hạn tăng 25,8%, tương đương với mức tăng 73,2 tỷ đồng. Mức tăng này chủ yếu là do khoản thuế tiêu thụ đặc biệt tăng hơn 60 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái, ngoài ra, trong năm Công ty cũng có khoản vay ngắn hạn 77 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khiến nợ ngắn hạn tăng cao. Bên cạnh đó, nợ dài hạn của Công ty cũng có phần tăng nhẹ nhưng không đáng kể. Vốn chủ sở hữu chiếm hơn 59% tổng nguồn vốn của Công ty, và ghi nhận mức tăng 11,88% so với năm ngoái. Mức tăng này chủ yếu nằm ở khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng hơn 100 tỷ đồng.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Điều hành

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

- Bố trí sử dụng lao động một cách hợp lý, sắp xếp tinh giản hệ thống để nâng cao năng suất lao động toàn công ty.
- Thường xuyên bổ sung nhân lực với đầy đủ năng lực chuyên môn và thái độ làm việc chuyên nghiệp.
- Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, bên cạnh đó cũng quan tâm đến chất lượng đời sống cán bộ, công nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc.
- Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy áp dụng cho toàn Công ty. Đẩy mạnh nhận diện thương hiệu Công ty từ việc thống nhất chung từ đồng phục, Logo, bì thư, ...

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty để thích ứng với tình hình mới. Không ngừng cập nhật thông tin về tình hình thị trường, dịch bệnh để kịp thời đưa ra những giải pháp ứng phó.
- Chủ động phối hợp với các đơn vị Thương mại để đẩy mạnh quảng cáo, tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Tiếp tục thực hiện theo những chiến lược của tổng Công ty Sabeco.
- Thường xuyên thực hiện các công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, trang, thiết bị để hoạt động sản xuất được liên tục, thông suốt và cung cấp hàng hóa kịp thời và đầy đủ cho Sabeco. Bên cạnh đó, tận dụng tối đa công suất còn dư thừa sản xuất các sản phẩm tự doanh để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của SABECO.
- Chủ động công tác điều phối vật tư, công cụ dụng cụ, nguồn nhân lực – vật lực tại các đơn vị trong toàn hệ thống để đảm bảo hiệu quả chung.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc để hạn chế thấp nhất thời gian ngừng máy hoặc sự cố trong quá trình sản xuất.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất và công tác quản lý.



CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Đối với thương hiệu bia Sài Gòn

- Bám sát và thực hiện tốt các chương trình, chiến lược cũng như chủ động phối hợp với tổng công ty Sabeco để kịp thời khắc phục những khó khăn, thắc mắc nhằm đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ bia Sài Gòn tại các nhà máy của Công ty.
- Tiếp tục phối hợp cùng với các Công ty Thương mại địa phương thực hiện các chương trình quảng bá bia Sài Gòn nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.
- Chủ động kết nối với các tổ chức Chính trị - Xã hội địa phương để quảng bá sản phẩm, đồng thời phát triển thị trường theo hướng bền vững.
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác với các công ty Thương mại – Vận tải để có những biện pháp kịp thời nhằm khắc phục những khó khăn trong quá trình vận chuyển, tiêu thụ bia Sài Gòn.

Đối với sản phẩm bia khác

- Tiếp tục rà soát, đánh giá khả năng phát triển của từng loại sản phẩm để có chính sách đầu tư thích hợp, phù hợp với thị trường và chủ trương của Sabeco.
- Tập trung giữ vững, phát triển thị phần hiện có và đẩy mạnh tìm kiếm, mở rộng thị trường đồng thời đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng những chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp.
- Chủ động điều phối bia Quy Nhơn tại 3 nhà máy để khai thác tối đa công suất các nhà máy, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ bia Quy Nhơn.
- Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm tự doanh đang có hướng phát triển tốt.
- Tiếp tục thực hiện ý kiến kết luận của tổng giám đốc Sabeco: Bia Sài Gòn và bia Quy Nhơn phải cùng nhau phát triển, hạn chế tối đa sự cạnh tranh, tình ra phương hướng, giải pháp để cùng nhau phát triển và đồng thời hạn chế sự cạnh tranh của bia đối thủ.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Thực hiện quyết toán các dự án đã đầu tư.
- Thực hiện tiết giảm đầu tư, tập trung ưu tiên đầu tư vào các trang thiết bị, dự án mang tính cấp bách nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm, ưu tiên các dự án đầu tư để bảo vệ môi trường của Công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, Công ty kiểm toán đã có ý kiến chấp nhận hoàn toàn với báo cáo này. Vì vậy Ban điều hành không có ý kiến thêm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU
HÀNH

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ



2021 là một năm đầy biến động với nền kinh tế Việt Nam, dịch bệnh Covid – 19 tiếp tục trở thành một mối lo ngại không chỉ với Việt Nam mà còn với cả các nước trên thế giới. Dù đã có khởi đầu thuận lợi vào những tháng đầu năm, nhưng việc giãn cách xã hội kéo dài trong quý III/2021 tại các địa phương kinh tế trọng điểm đã ảnh hưởng lớn đến đời sống, thu nhập người dân. Theo đó, nhu cầu tiêu dùng của người dân với các sản phẩm không thiết yếu như bia rượu giảm mạnh, điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB. Tuy nhiên vào các tháng cuối năm, tình hình dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bước đầu có được sự hồi phục. Ngoài ra, những biến động của tình hình Chính trị - kinh tế thế giới và tình hình cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành cũng là những vấn đề được Hội đồng quản trị quan tâm hàng đầu.

Năm qua, dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn và một số chỉ tiêu vẫn chưa đạt được với kế hoạch đề ra, tuy nhiên với sự nỗ lực của CB – CNV, Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung vẫn đạt được những kết quả tương đối ấn tượng. Cụ thể

Tổng cộng: Lợi nhuận trước thuế đạt 189.81 tỷ đồng bằng 124.2% Kế hoạch 2021 và bằng 95.27% so cuối kỳ 2020. Trong đó:

- Nhà máy Đắc Lắc : Lợi nhuận trước thuế 74,69 tỷ đồng bằng 148,27% Kế hoạch 2021 và bằng 125,19% so cuối kỳ 2020.
- Nhà máy Phú Yên : Lợi nhuận trước thuế 11,8 tỷ đồng bằng 108,10% Kế hoạch 2021 và bằng 69,86% so cuối kỳ 2020.
- Nhà máy Quy Nhơn : Lợi nhuận trước thuế 83,63 tỷ đồng bằng 118,65% Kế hoạch 2021 và bằng 95,65% so cuối kỳ 2020.
- Thương mại Quy Nhơn: Lợi nhuận trước thuế 20,23 tỷ đồng bằng 118,99% Kế hoạch 2021 và bằng 87,49% cuối kỳ 2020.
- Thương mại Phú Yên : Lợi nhuận trước thuế 11,13 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thành các nghĩa vụ về nộp ngân sách Nhà Nước từ đó có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế khu vực Tây Nguyên và nền kinh tế chung của Việt Nam.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua việc hàng tuần, hàng tháng HĐQT có kế hoạch làm việc trực tiếp với các đơn vị sản xuất, các phòng nghiệp vụ để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, giám sát thông qua hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ Tổng Công ty. Sau giám sát Hội đồng quản trị đã có văn bản yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện ngay một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao về tinh thần đoàn kết một lòng, thái độ trách nhiệm, tinh thần làm việc khoa học và quyết tâm cao của Ban điều hành Tổng công ty; đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu chính đã đề ra trong năm 2021, thực hiện tốt và đầy đủ các nhiệm vụ chiến lược, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.



TÌNH HÌNH KINH TẾ CHUNG

Thuận lợi

- Giai đoạn Quý III/2021, Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. Các chính sách thắt chặt giãn cách xã hội khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gần như bị “đóng băng”. Tuy nhiên với nỗ lực kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ đã giúp nền kinh tế phục hồi và những gói hỗ trợ kích thích nền kinh tế sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước sớm ổn định sau thời gian khủng hoảng bởi dịch bệnh.
- Bia Sài Gòn vẫn giữ vững vị thế trên thị trường Việt Nam với chất lượng ổn định và giá cả hợp lý. Là một trong những lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng.
- Có được sự hỗ trợ từ Tổng công ty Sabeco và Chính quyền địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho SMB phát triển về nhiều mặt, đặc biệt là trong công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.
- Tập thể CBCNV có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện tốt các công việc được giao. Có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật, đây chính là nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh ở trong nước, trong khu vực vẫn diễn biến phức tạp với biến thể mới. Nguy cơ đại dịch có thể bùng phát bất cứ lúc nào khiến cho nhu cầu tiêu thụ rượu bia của người tiêu dùng giảm mạnh. Bên cạnh đó, dịch bệnh cũng sẽ tạo nên những khó khăn trong hoạt động xuất nhập khẩu nguyên liệu và hàng hóa.
- Nghị định số 100/NĐ-CP của Chính Phủ về việc quy định các chế tài xử phạt hành chính đối với người sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông và Nghị định 24/2020/NĐ – CP về việc quảng cáo rượu, bia tiếp tục có những ảnh hưởng dài hạn đến sản lượng tiêu thụ bia, rượu.
- Tình hình thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng hạn hán, bão, lũ, sạt lở đất, ngập mặn, ... sẽ ảnh hưởng đến đời sống và tiêu dùng của người dân.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	Kế hoạch 2022						KH2022/ TH2021
				Tổng cộng	Đắk Lắk	Quy Nhơn	Phú Yên	TMQN	TMPY	
I	Sản lượng sản xuất	Tr.lít	176,01	196,00	94,50	57,00	44,50	-	-	111,36
1	Bia các loại	Tr.lít	166,81	186,00	90,00	57,00	39,00	-	-	111,51
1,1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	81,44	94,00	63,00	17,00	14,00	-	-	115,42
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	23,90	27,19		14,69	12,50			113,78
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	9,60	3,06		1,56	1,50			31,91
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,21	0,75		0,75				351,74
	Bia lon SG larger 330	Tr.lít	46,81	60,97	60,97					130,24
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít	0,30	1,00	1,00					329,56
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít	0,61	1,03	1,03					167,84
1,2	Bia khác	Tr.lít	85,23	90,00	25,00	40,00	25,00	-	-	105,59
1,3	Đồ uống xuất khẩu	Tr.lít	0,13	2,00	2,00					1.525,65
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	9,21	10,00	4,50		5,50			108,61
II	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	176,68	196,00	94,50	57,00	44,50	61,00	26,50	110,94
1	Bia các loại	Tr.lít	167,49	186,00	90,00	57,00	39,00	61,00	21,00	111,05
1,1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	82,45	94,00	63,00	17,00	14,00	-	-	114,02
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	24,16	27,19		14,69	12,50			112,52
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	9,91	3,06		1,56	1,50			30,89
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,31	0,75		0,75				244,25
	Bia lon SG larger 330	Tr.lít	46,98	60,97	60,97					129,78
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít	0,44	1,00	1,00					227,19
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít	0,64	1,03	1,03					160,87
1,2	Bia khác	Tr.lít	84,91	90,00	25,00	40,00	25,00	61,00	21,00	106,00
1,3	Đồ uống xuất khẩu	Tr.lít	0,13	2,00	2,00					1.525,65
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	9,19	10,00	4,50		5,50		5,50	108,78
3	Kho Pepsi	Tỷ.đ	6,76	6,20	-	-	-	6,20	-	91,72
	Thuê kho	Tỷ.đ	1,10	1,10				1,10		100,00
	Dịch vụ kho	Tỷ.đ	5,66	5,10				5,10		90,11
III	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.166,02	1.299,35	787,31	332,82	179,22	922,90	139,46	111,43
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	189,81	115,40	43,30	64,00	8,10	14,60	12,90	60,80
V	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	1.063,40	1.203,73	788,96	273,38	141,40	9,61	2,45	113,20

**BIA
SAIGON®**
SAIGON - MIEN TRUNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiệu quả về kinh tế- Bảo vệ môi trường- Trách nhiệm xã hội được Công ty đề ra bao gồm:

Doanh nghiệp: Duy trì sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tiếp tục nghiên cứu ra các sản phẩm cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng;

Khách hàng : Tuân thủ cam kết, cung cấp cho KH sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng, làm tốt hậu mãi;

Nhà đầu tư: Sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Đảm bảo lợi ích của cổ đông;

Người lao động: có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp, tự do tham gia hiệp hội đoàn thể được nhà nước cho phép, trả lương đầy đủ, đúng hạn, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ khác;

Nhà cung cấp: Thỏa thuận công bằng, hướng tới lựa chọn nhà cung cấp cùng chi hướng về phát triển bền vững để xây dựng chuỗi cung ứng toàn diện về phát triển bền vững;

Cơ quan quản lý nhà nước: Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, cung cấp thông tin đầy đủ , kịp thời theo yêu cầu,... Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của Công ty đại chúng.

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm: Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật;

Công bằng: Đối xử công bằng với tất cả cổ đông trong Công ty;

Bền vững: Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển Công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường;

Minh bạch: Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định kịp thời và chính xác.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng.

Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.

Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.

Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
1	Malt	Kg	15.133.264,00
2	Gạo	Kg	7.525.589
3	Houblon	Kg (α axit)	8.003,34
4	NaOH	Kg	640.934,00
5	Axit	Kg	133.387,73
6	Điện	KWh	19.302.242,00
7	Nước	M3	835.849,00
8	Hơi	Tấn	55.487,50



AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Công ty thực hiện tốt các quy định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng quy định của pháp luật, trong năm 2021 Công ty không có vi phạm về môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

STT	Tổng năng lượng điện sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2021	Đơn vị tính
1	Nhà máy Đắk Lắk	8.157.628	Kwh
2	Nhà máy Quy Nhơn	6.736.996	Kwh
3	Nhà máy Phú Yên	4.407.618	Kwh
Tổng năng lượng điện tiêu thụ		19.302.242	

TIẾT KIỆM NƯỚC

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước tiết kiệm (ĐVT: m3/năm)
1	Nhà máy Đắk Lắk	25.050,00
2	Nhà máy Quy Nhơn	39.012,00
3	Nhà máy Phú Yên	20.560,62
Tổng nước 2021 (m3)		84.622,62

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước (ĐVT: m3)
1	Nhà máy Đắk Lắk	396.737,00
2	Nhà máy Quy Nhơn	439.112,00
Tổng nước 2021 (m3)		835.849,00

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG HƠI

STT	Tổng năng lượng hơi sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2021	Đơn vị tính
1	Nhà máy Đắk Lắk	26139,5	Tấn
2	Nhà máy Quy Nhơn	181,52	Tấn
3	Nhà máy Phú Yên	11.196,00	Tấn
Tổng năng lượng hơi tiêu thụ		55.487,50	Tấn

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động như: 100% lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện các chế độ chính sách có lợi cho người lao động như:
 - Tăng thời gian nghỉ vẫn hưởng nguyên lương đối với lao động nữ có con nhỏ dưới 24 tháng tuổi, nghỉ làm việc 60 phút/ngày (Luật áp dụng con nhỏ dưới 12 tháng tuổi);
 - Lao động nữ sau khi sinh con lần thứ 1 hoặc lần thứ 2 được bồi dưỡng không quá 1,5 mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định;
 - Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; bố hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột (bên vợ, bên chồng) kết hôn được nghỉ 01 ngày được hưởng nguyên lương (Luật được nghỉ 1 ngày không lương);
 - Người lao động được tuyển dụng từ đơn vị khác đến thì được bảo lưu thời gian làm việc thâm niên (Thời gian tham gia bảo hiểm) trước đó để tính thời gian phép hàng năm;
 - Tặng quà sinh nhật cho Công nhân viên – lao động 300.000/người. Ngoài ra, còn có quy định các mức trợ cấp khó khăn, thăm viếng khi Công nhân viên – lao động, gia đình Công nhân viên – lao động có khó khăn hoặc hiếu hi, ốm đau, tang gia; khen thưởng con Công nhân viên – lao động thi đậu vào các trường đại học công lập, ...
 - 100% người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; tổ chức bồi dưỡng chế độ độc hại bằng hiện vật theo quy định.
- Thực hiện tốt công tác tư tưởng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc, ... Trong năm qua không có đơn thư nặc danh, đơn thư tập thể, đơn thư vượt cấp.
- Công đoàn Đại diện người lao động xây dựng, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể đảm bảo lợi ích của người lao động, có lợi hơn so với quy định của Bộ luật lao động cụ thể là: Công đoàn đã cùng với Lãnh đạo Công ty thoả thuận về việc thực hiện các chế độ chính sách khác đối với người lao động cụ thể chi tiền các ngày lễ trong năm, ngày sinh nhật và ngày kết hôn của người lao động, quan tâm đến những người đã có công (Thương binh, gia đình liệt sỹ, cựu chiến binh...), các chế độ chính sách đối với nữ Công nhân viên – lao động và con Công nhân viên – lao động...
- Công đoàn đã thực hiện tốt trong công tác giám sát việc thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách đối với Công nhân viên – lao động như: Trả lương; trả lương làm thêm giờ; chế độ xét nâng bậc lương định kỳ; giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Từ đó đoàn viên công đoàn yên tâm công tác, đoàn kết, cống hiến nhiều hơn trong công việc.

**BIA
SAIGON®
SAIGON - MIEN TRUNG**



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm người lao động đều được đào tạo về công tác chuyên môn, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; trường hợp lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại... được tập huấn cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm được huấn luyện lại ít nhất là 8 giờ/1 lao động.

Ngoài ra Công ty cử cán bộ đi tập huấn đào tạo như: Tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất cho nhóm 1 và nhóm 5, an toàn bức xạ trong công nghiệp, xử lý nước thải. Tham gia khóa học Brewing lần 5 tại Quy Nhơn, khóa đào tạo Brewmaster, kỹ năng bán hàng hiệu quả theo 6C... Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp như: kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm đảm bảo cho người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do người sử dụng lao động chi trả.

Trường hợp người lao động nếu có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty, sẽ được người sử dụng lao động xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì người sử dụng lao động sẽ xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.:

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THỪ LAO VÀ CÁC
KHOẢN LỢI ÍCH



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Lâm Du An	5/5	100%	0
2	Ông Huỳnh Van Dũng	5/5	100%	0
3	Bà Nguyễn Thị Phước	5/5	100%	0
4	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	5/5	100%	0
5	Ông Phạm Văn Phong	5/5	100%	0

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

STT	thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	01/2021/NQ-HĐQT	09/01/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Thông qua quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020. •Thông qua báo cáo tình hình đầu tư và giải ngân năm 2020, kế hoạch năm 2021. •Thông qua Định mức KTKT Công ty năm 2021. •Thông qua một số nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2	02/2021/NQ-HĐQT	22/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Thông qua kết quả hoạt động SXKD 2020, kế hoạch SXKD 2021. •Thông qua việc thoái một phần vốn tại Công ty In TM Phú Yên. •Thông qua việc giới thiệu nhân sự thay thế tại Công ty In TM Phú Yên. •Thông qua các nội dung và tài liệu trình DHCĐ 2021. •Thông qua công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định. •Thông qua dự thảo quy chế hoạt động của BDH.

STT	thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
3	12/04/2021	09/01/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Thông qua việc thế chấp tài sản để vay vốn lưu động
4	02/2021/NQ-HĐQT	22/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lauwj chọn nhà thầu hạng mục: Đầu tư bổ sung hệ thống 2 Tank lên men sản xuất bia tự doanh tại nhà máy bia Sài Gòn - Phú Yên và phê duyệt phân cấp ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện hạng mục.
5	05/2021/NQ-HĐQT	16/06/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch nhà thầu Hạng mục: Đầu tư cải tạo hệ thống XLNT tại hệ thống bia Sài Gòn - Quy Nhơn và phê duyệt phân cấp ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện hạng mục.
6	06/2020/NQ-HĐQT	24/07/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021 và 6 tháng cuối năm 2021. •Thông qua Báo cáo đầu tư và giải ngân năm 2021. •Thông qua dự thảo sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty TNHH MTV TM - DV Bia Quy Nhơn
7	07/2020/NQ-HĐQT	07/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> •Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2021 và 3 tháng cuối năm 2021. •Thông nhất thông qua BC đầu tư và giải ngân năm 2021 •Thông nhất chủ trương chi tạm ứng cổ tcuws năm 2021 với mức chi 25%. Thời gian thực hiện trong tháng 11/2021.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông. BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	2/2	100%	100%	0
2	Ông Trịnh Văn Thảo	2/2	100%	100%	0
3	Ông Bùi Quang Đáng	2/2	100%	100%	0



SỰ PHỐI HỢP CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông, cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung. Ban kiểm soát đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm: phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong ban; cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT; xây dựng kế hoạch thực hiện; thẩm tra Báo cáo tài chính Quý I, II, III, IV năm 2021 của Công ty.

Giám sát quy trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp năm 2014, cũng như Nghị định 71/NĐ-CP.

Cập nhật chia sẻ các nghị định, thông tư mới.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chấp hành nghiêm túc và đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các Công ty đại chúng.

Ban điều hành đã bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chú trọng công tác quản trị sản xuất, siết chặt định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, tiết kiệm chi phí trong các nhà máy sản xuất. Chất lượng Bia sản xuất ra ổn định, giữ được uy tín sản phẩm đối với người tiêu dùng.

Hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung lành mạnh, tình hình tài chính, công tác kế toán minh bạch. Công tác quản lý sử dụng vốn tốt, linh hoạt giữa các Chi nhánh mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc vay, trả nợ vay và quản lý dòng tiền của Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo Công ty hoạt động đúng định hướng và đúng pháp luật. Thường xuyên trao đổi HĐQT và Ban Điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Chi nhánh trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I. Hội đồng quản trị					
1	Ông Lâm Du An	Chủ tịch HĐQT	130.000.000		
2	Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	91.000.000		
3	Ông Phạm Văn Phong	TV HĐQT kiêm TGD	91.000.000		
4	Bà Nguyễn Thị Phước	Thành viên HĐQT	91.000.000		
5	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	91.000.000		
II. Ban kiểm soát					
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	260.000.000		
2	Ông Bùi Quang Đáng	Thành viên	52.000.000		
3	Ông Trịnh Văn Thảo	Thành viên	52.000.000		
III. Ban điều hành và kế toán trưởng					
1	Ông Huỳnh Văn Dũng	TV HĐQT kiêm TGD		701.000.000	
2	Ông Võ Thành Điền	PTGD		466.479.996	
	Ông Vũ Tuấn Anh	PTGD kiêm kế toán trưởng		466.479.996	

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Huỳnh Văn Dũng	TV HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty	392.595	1,16%	442.595	1,48%	Tăng tỷ lệ sở hữu



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 29 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Huyên Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 18 tháng 2 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00304-22-4



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		490.517.309.339	331.751.119.587
Tiền	110	6	45.465.064.177	37.098.441.283
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7(a)	215.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		215.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.282.909.364	74.832.418.494
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	30.435.555.324	52.714.479.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.646.727.028	21.723.940.705
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.562.921.677	2.077.531.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.362.496.330)	(2.729.225.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		201.665	1.045.691.104
Hàng tồn kho	140	9	188.381.237.477	174.083.943.736
Hàng tồn kho	141		188.943.594.046	174.726.902.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562.356.569)	(642.958.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.388.098.321	5.736.316.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.384.187.086	5.732.404.839
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		446.581.041.863	472.318.564.823
Tài sản cố định	220		377.978.995.741	382.110.437.351
Tài sản cố định hữu hình	221	10	377.342.935.134	381.438.013.108
Nguyên giá	222		1.526.014.684.237	1.462.707.461.710
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.148.671.749.103)	(1.081.269.448.602)
Tài sản cố định vô hình	227	11	636.060.607	672.424.243
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(843.575.583)	(807.211.947)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.186.586.248	7.545.867.292
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.609.251.823)	(2.249.970.779)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.854.940.071	655.011.307
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.854.940.071	655.011.307
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	975.860.000	19.406.520.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		56.584.659.803	62.600.728.873
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	52.748.413.151	58.775.700.349
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.836.246.652	3.825.028.524
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		937.098.351.202	804.069.684.410

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)


Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		383.004.502.715	308.831.407.519
Nợ ngắn hạn	310		357.002.711.814	283.781.245.355
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.861.864.205	14.718.897.357
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.007.840.875	4.374.069.135
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	192.694.802.829	122.699.351.252
Phải trả người lao động	314		25.231.154.991	26.995.615.387
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.571.389.262	3.460.884.875
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	24.545.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.686.903.909	56.878.536.515
Vay ngắn hạn	320	18	77.000.000.000	47.855.837.646
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.948.755.743	6.773.507.733
Nợ dài hạn	330		26.001.790.901	25.050.162.164
Phải trả dài hạn khác	337		7.167.500.000	6.649.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	18.834.290.901	18.400.662.164
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		554.093.848.487	495.238.276.891
Vốn chủ sở hữu	410	21	554.093.848.487	495.238.276.891
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	85.122.415.191	74.810.094.569
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.492.718.603	121.949.467.629
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		86.420.164.945	67.599.641.028
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		84.072.553.658	54.349.826.601
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		937.098.351.202	804.069.684.410

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.191.308.836.374	1.207.164.990.860
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	64.647.518	15.893.182
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.191.244.188.856	1.207.149.097.678
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	876.117.420.107	895.889.134.850
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		315.126.768.749	311.259.962.828
Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.626.040.993	3.491.032.863
Chi phí tài chính	22		3.137.280.437	3.382.380.168
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.980.848.915	3.382.308.682
Chi phí bán hàng	25	28	53.629.969.483	51.175.437.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	70.412.715.383	67.293.816.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		196.572.844.439	192.899.362.125
Thu nhập khác	31		5.731.771.240	10.719.227.032
Chi phí khác	32		2.930.619.117	4.383.159.820
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.801.152.123	6.336.067.212
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		199.373.996.562	199.235.429.337
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	40.696.041.032	40.497.327.651
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(11.218.128)	(74.992.915)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		158.689.173.658	158.813.094.601
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	4.506	4.313

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

DI-CTINH
 HHH
 THANH
 M.S.C.N. 010011
 CHI
 CÔNG
 KI
 THÁNH PH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		199.373.996.562	199.235.429.337
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		71.190.787.472	80.145.380.691
Các khoản dự phòng	03		384.974.401	2.256.883.439
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.042.223	(2.095.025)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.107.504.673)	(3.173.049.716)
Chi phí lãi vay	06		2.980.848.915	3.382.308.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		265.836.144.900	281.844.857.408
Biến động các khoản phải thu	09		23.241.591.325	(7.817.752.796)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.216.691.784)	18.980.881.161
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		78.854.609.362	6.382.385.339
Biến động chi phí trả trước	12		5.375.504.951	(4.165.957.229)
			359.091.158.754	295.224.413.883
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.363.159.582)	(3.482.572.742)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.531.879.081)	(46.053.515.135)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		375.060.000	566.210.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.417.509.611)	(26.774.098.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		292.153.670.480	219.480.437.567
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(53.664.190.788)	(36.359.579.020)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		523.636.364	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(435.000.000.000)	(355.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		260.000.000.000	315.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	26		30.660.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		7.655.983.320	3.488.937.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(220.453.911.104)	(72.870.641.182)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	821.906.000.574	693.300.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.361.838.220)	(705.553.468.813)
Tiền chi trả cổ tức	36	(110.864.256.613)	(100.434.465.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.320.094.259)	(112.687.933.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.379.665.117	33.921.862.477
Tiền đầu năm	60	37.098.441.283	3.174.483.781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(13.042.223)	2.095.025
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	45.465.064.177	37.098.441.283

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 491 nhân viên (1/1/2021: 487 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Ban Điều hành Công ty và công ty con đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Điều hành Công ty và công ty con vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	620.927.723	929.202.826
Tiền gửi ngân hàng	44.844.136.454	36.169.238.457
	<u>45.465.064.177</u>	<u>37.098.441.283</u>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 5,7% một năm (1/1/2021: từ 5,4% đến 5,9% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2021		Giá trị hợp lý VND
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	-	(*)
<hr/>					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2021		Giá trị hợp lý VND
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	19.406.520.000	19.406.520.000
Thu hồi khoản đầu tư thông qua cản trừ với khoản vay ngắn hạn	(18.400.000.000)	-
Thu hồi khoản đầu tư bằng tiền	(30.660.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	975.860.000	19.406.520.000

Trong năm, Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên, công ty liên kết của Nhóm Công ty, đã giảm thành công vốn cổ phần từ 98.100 triệu VND xuống còn 6.021 triệu VND. Do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại công ty liên kết vẫn giữ là 20% sau khi thu hồi khoản đầu tư.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Các khách hàng khác	5.310.089.030	7.737.891.934
	<hr/>	<hr/>
	30.435.555.324	52.714.479.887

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	182.338.750	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.250.031.199	-	601.001.000	-
Nguyên vật liệu	81.492.580.621	(562.356.569)	61.883.616.513	(642.958.526)
Công cụ và dụng cụ	66.596.167.954	-	63.517.367.546	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.830.274.357	-	27.829.954.485	-
Thành phẩm	13.720.793.981	-	20.878.976.689	-
Hàng hóa	53.745.934	-	14.052.493	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.933.536	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	188.943.594.046	(562.356.569)	174.726.902.262	(642.958.526)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	642.958.526	-
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(80.601.957)	642.958.526
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	562.356.569	642.958.526

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	249.044.545.486	1.182.460.210.044	23.180.338.404	6.779.888.942	1.242.478.834	1.462.707.461.710
Tăng trong năm	54.300.000	12.181.026.991	-	84.720.727	-	12.320.047.718
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.834.326.551	52.476.887.755	-	-	-	55.311.214.306
Thanh lý	-	(1.446.000.000)	(37.130.406)	-	-	(1.483.130.406)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	251.933.172.037	1.242.831.215.699	23.143.207.998	6.864.609.669	1.242.478.834	1.526.014.684.237
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	118.615.508.868	942.704.260.956	14.175.440.048	4.923.726.747	850.511.983	1.081.269.448.602
Khấu hao trong năm	12.740.603.780	55.416.144.675	2.004.723.768	587.920.677	45.749.892	70.795.142.792
Thanh lý	-	(514.802.794)	(37.130.406)	-	-	(551.933.200)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	131.356.112.648	994.764.693.746	16.143.033.410	5.511.647.424	896.261.875	1.148.671.749.103
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	130.429.036.618	239.755.949.088	9.004.898.356	1.856.162.195	391.966.851	381.438.013.108
Số dư cuối năm	120.577.059.389	248.066.521.953	7.000.174.588	1.352.962.245	346.216.959	377.342.935.134

24



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 901.848 triệu VND (1/1/2021: 522.440 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 114.745 triệu VND (1/1/2021: 48.659 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Khấu hao trong năm	-	36.363.636	-	36.363.636
Số dư cuối năm	-	614.575.583	229.000.000	843.575.583
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243
Số dư cuối năm	500.000.000	136.060.607	-	636.060.607

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2021: 735 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

25

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.778.925.248	5.138.206.292
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<u>7.186.586.248</u>	<u>7.545.867.292</u>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>7.388.177.071</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.249.970.779
Khấu hao trong năm	359.281.044
	<u>2.609.251.823</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.138.206.292
Số dư cuối năm	<u>4.778.925.248</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>2.407.661.000</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	655.011.307	1.681.717.228
Tăng trong năm	58.511.143.070	17.724.074.925
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.311.214.306)	(18.568.962.664)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(181.818.182)
	<u>3.854.940.071</u>	<u>655.011.307</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	26.551.949.825	12.106.432.853	14.620.050.792	5.497.266.879	58.775.700.349
Tăng trong năm	12.074.026.654	5.202.623.626	120.100.268	4.495.792.381	21.892.542.929
Phân loại lại	219.088.211	(992.896.886)	-	773.808.675	-
Phân bổ trong năm	(16.320.128.309)	(7.100.275.671)	(529.976.784)	(3.457.226.152)	(27.407.606.916)
Thanh lý	(512.223.211)	-	-	-	(512.223.211)
Số dư cuối năm	22.012.713.170	9.215.883.922	14.210.174.276	7.309.641.783	52.748.413.151

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.525.344.517	1.483.395.650
Các nhà cung cấp khác	15.636.623.714	11.966.042.288
	<u>21.861.864.205</u>	<u>14.718.897.357</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	332.651.036	183.528.400
Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.		

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.428.100.675	275.024.177.106	(141.262.051.314)	(123.023.927.943)	23.166.298.524
Thuế tiêu thụ đặc biệt	92.695.166.564	889.364.824.402	-	(829.520.044.649)	152.539.946.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.189.071.256	40.696.041.032	-	(40.531.879.081)	15.353.233.207
Thuế thu nhập cá nhân	2.208.416.479	6.280.539.056	-	(6.911.979.494)	1.576.976.041
Tiền thuế đất, thuế đất	-	2.984.965.567	-	(2.984.965.567)	-
Các loại thuế khác	178.596.278	913.789.125	-	(1.034.036.663)	58.348.740
	122.699.351.252	1.215.264.336.288	(141.262.051.314)	(1.004.006.833.397)	192.694.802.829

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	11.729.768.213	47.135.279.768
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.966.371.378	1.874.535.800
Phải trả ngắn hạn khác	6.990.764.318	7.868.720.947
	21.686.903.909	56.878.536.515

30

18/12/2021

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	29.400.000.000	821.906.000.574	(774.306.000.574)	77.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	18.455.837.646	-	(18.455.837.646)	-
	47.855.837.646	821.906.000.574	(792.761.838.220)	77.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	3,7% - 4,0%	77.000.000.000	-
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	-	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	VND	6,0%	-	11.000.000.000
			77.000.000.000	29.400.000.000

31

18/12/2021

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 90.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Agribank tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 90.713 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo. Khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm bằng cách cần trừ với khoản đầu tư tại công ty liên kết này.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Nhóm Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.032 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 27.075 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	8.812.500.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	9.643.337.646
					18.455.837.646
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				-	(18.455.837.646)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của những khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 21.584 triệu VND theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTB ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 11). Các khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.773.507.733	2.770.773.797
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	24.185.750.000	30.086.790.000
Tăng khác	283.140.000	566.210.000
Sử dụng trong năm	(23.293.641.990)	(26.650.266.064)
Số dư cuối năm	7.948.755.743	6.773.507.733

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.985.361.063	8.415.301.101	18.400.662.164
Dự phòng trích lập trong năm	465.576.358	-	465.576.358
Dự phòng sử dụng trong năm	(31.947.621)	-	(31.947.621)
Số dư cuối năm	10.418.989.800	8.415.301.101	18.834.290.901

- (*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.813.094.601	158.813.094.601
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	121.949.467.629	495.238.276.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.689.173.658	158.689.173.658
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	10.312.320.622	(10.312.320.622)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(24.185.750.000)	(24.185.750.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.031.232.062)	(1.031.232.062)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(74.616.620.000)	(74.616.620.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	85.122.415.191	170.492.718.603	554.093.848.487

34

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 10 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty và công ty con lần lượt là 7.762 triệu VND và 2.550 VND (2020: 10.352 triệu VND).

35

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Thông báo giá thuê ổn định đến	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	2.971.824.811	3.714.781.014
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	2.036.990.592	3.917.289.600
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2022	421.767.772	579.681.347
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2022	166.571.181	231.977.137
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2022	902.473.541	1.256.839.432
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2022	244.094.304	332.515.246
Lô đất 7	10-10-2036	31-5-2026	507.554.500	45.538.943
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2026	896.860.800	70.804.800
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	920.317.440	1.210.944.000
Lô đất 10	10-10-2036	31-5-2026	3.646.431.800	353.603.811
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.167.119.360	113.171.040
Lô đất 12	31-12-2048	31-12-2022	29.808.720	29.808.720
			<u>13.911.814.821</u>	<u>11.856.955.090</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
USD	33.051	748.270.488	94	2.179.005
EUR	545	13.832.791	572	15.988.579
		<u>762.103.279</u>		<u>18.167.584</u>

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2021	1/1/2021
Bia Lowen 330	Két	1.112	115
Bia Sài Gòn 355	Két	-	290

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.123.707.489.737	1.145.061.992.179
▪ Cung cấp dịch vụ	47.987.365.004	43.817.088.050
▪ Doanh thu khác	19.613.981.633	18.285.910.631
	<u>1.191.308.836.374</u>	<u>1.207.164.990.860</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	17.381.818	15.893.182
▪ Hàng bán bị trả lại	47.265.700	-
	<u>64.647.518</u>	<u>15.893.182</u>
	<u>1.191.244.188.856</u>	<u>1.207.149.097.678</u>

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	859.901.549.241	884.824.439.057
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.643.319.008	7.640.200.465
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(80.601.957)	642.958.526
▪ Giá vốn khác	4.653.153.815	2.781.536.802
	<u>876.117.420.107</u>	<u>895.889.134.850</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	9.172.608.494	7.565.393.697
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	9.341.869.100	10.134.763.895
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.508.454.027	1.683.499.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.278.224.157	20.150.214.012
Chi phí bán hàng khác	10.328.813.705	11.641.565.980
	<u>53.629.969.483</u>	<u>51.175.437.200</u>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	36.658.649.526	33.204.075.988
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.075.603.049	4.402.854.786
Chi phí thuê	3.975.948.086	5.002.858.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.902.444.166	3.478.148.819
Chi phí quản lý khác	21.800.070.556	21.205.877.926
	<u>70.412.715.383</u>	<u>67.293.816.198</u>

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	668.535.194.961	694.269.294.618
Chi phí nhân công và nhân viên	115.072.950.851	104.333.512.585
Chi phí khấu hao và phân bổ	71.190.787.472	80.145.380.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.755.745.205	78.427.528.004
Chi phí khác	54.495.990.017	56.052.548.735
	<u>1.582.050.668.406</u>	<u>1.613.228.764.633</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	40.417.999.485	40.486.984.318
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
	<u>40.696.041.032</u>	<u>40.497.327.651</u>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(11.218.128)	(74.992.915)
	<u>40.684.822.904</u>	<u>40.422.334.736</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	199.373.996.562	199.235.429.337
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.874.799.312	39.847.085.867
Chi phí không được khấu trừ thuế	568.135.945	601.059.436
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(36.153.900)
	<u>40.684.822.904</u>	<u>40.422.334.736</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	158.689.173.658	158.813.094.601
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(24.185.750.000)	(30.086.790.000)
	<u>134.503.423.658</u>	<u>128.726.304.601</u>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	134.503.423.658	128.726.304.601

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	3.493.250.000	9.715.970.000
Cổ tức đã nhận	180.769.500	180.769.500
Chi phí lãi vay	49.654.742	91.748.000
Thu hồi khoản đầu tư	18.430.660.000	-
Hoàn trả khoản vay	18.400.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	657.459.340.940	691.556.641.799
Giao dịch bán khác	910.405.157	911.361.500
Mua nguyên vật liệu	377.109.233.341	375.408.156.311
Cổ tức đã trả	57.704.178.000	33.660.770.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán công cụ và dụng cụ	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	-	1.879.137.200
Chi phí sử dụng vỏ chai	534.485.158	720.780.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	890.324.369	714.502.443
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	180.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	126.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	701.244.444	685.173.000
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	466.479.996	455.786.000
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	466.479.996	455.786.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu hồi khoản đầu tư vào công ty liên kết thông qua bán trừ với khoản vay ngắn hạn	18.400.000.000	-

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc





BIA SAIGON®

SAIGON - MIEN TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ông HUỲNH VĂN DŨNG